

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ A**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 2453/2021/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố A, ngày 15 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84;
Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,
quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số
1575/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc “Yêu cầu công
nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, gồm
những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Bà Dương Thị Mỹ D, sinh năm 1983

Địa chỉ: 6/30 đường 31, khu phố Long Hòa, phường S, thành phố A,
Thành phố Hồ Chí Minh

Và ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp Long Hưng 1, xã T, huyện Q, tỉnh Hậu Giang

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai
của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Người yêu cầu bà Dương Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn L tự nguyện
chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76,
do Ủy ban nhân dân phường S, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày
29/5/2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà D và ông L chung sống hạnh phúc. Từ năm 2020 đến
nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng
quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà D và
ông L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân
cũng không đạt được; bà D, ông L xác định không còn tình cảm vợ chồng nên

việc bà D và ông L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Dương Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn L có 01 con chung tên Nguyễn Dương Ngọc C, sinh ngày 09/8/2018. Bà D và ông L thỏa thuận con chung do bà D trực tiếp nuôi dưỡng; ông L không cấp dưỡng nuôi mỗi con chung. Thỏa thuận này của bà D và ông L là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà D và ông L tự khai không có.

[4] Về nợ chung: Bà D và ông L tự khai không có.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn L thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 76, do Ủy ban nhân dân phường S, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2017 cho bà Dương Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn L không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Dương Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn L có 01 con chung tên Nguyễn Dương Ngọc C, sinh ngày 09/8/2018. Bà D trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông L không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà D và ông L tự khai không có.

- Nợ chung: Bà D và ông L tự khai không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm về giải quyết việc hôn nhân là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Dương Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn L mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà D, ông L đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số AA/2021/0024687 ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D, ông L đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. A;
- Chi cục THADS TP. A;
- UBND P. S, Tp. A;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Chung Cảnh Long